

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-11-2017  
V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trương Minh Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Lợi.

Ông Nguyễn Duy Tuân.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1987; cư trú tại thôn H, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn M, sinh năm 1983; cư trú tại thôn H, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, tại các Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Trần Văn M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, Hải Phòng vào năm 2007. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh M tại thôn H, xã P, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác anh M có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ

khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình nội, ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 6 năm 2017 đến nay chị đã đi thuê nhà trọ ở riêng, cũng từ đó chị và anh M sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn M.

*Về con chung:* Chị và anh M có hai con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2007 và Trần Thu V, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2010. Chị đề nghị Tòa án giao con Trần Thu V cho chị nuôi dưỡng, giao con chung Trần Văn Q cho anh M nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Chị và anh M không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là anh Trần Văn M:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M để anh M đến Tòa án nhân dân huyện A giải quyết việc chị T xin ly hôn nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn và về vấn đề con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn chị Đỗ Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị T và anh Trần Văn M.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuy anh Trần Văn M không đến Tòa án, không có quan điểm về việc chị T xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập xác định chị Đỗ Thị T và anh Trần Văn M kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2007. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, chị T

nghe anh M về tình cảm, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Chị Đỗ Thị T và anh Trần Văn M có hai con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2007 và Trần Thu V, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2010. Chị T đề nghị Tòa án giao con chung Trần Thu V cho chị nuôi dưỡng, giao con chung Trần Văn Q cho anh M nuôi dưỡng. Anh Trần Văn M không có lời khai, không có mặt tại phiên toà. Do vậy, không có quan điểm của anh M về con chung.

Xét thấy, hiện tại chị Đỗ Thị T là công nhân còn anh Trần Văn M tuy là lao động tự do nhưng anh M có thể lao động để có thu nhập nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung nên giao cho chị T và anh M mỗi người nuôi dưỡng một con chung là hợp lý, con chung Trần Thu V có nguyện vọng ở với mẹ, nên giao cho chị T nuôi dưỡng con chung Trần Thu V, giao cho anh M nuôi dưỡng con chung Trần Văn Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung*: Chị Đỗ Thị T có quan điểm chị và anh M không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M không có lời khai, vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy không có quan điểm của anh M về tài sản. Nên Tòa án không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án dân sự khác.

[4]. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Các điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Trần Văn M.

2. *Về con chung*: Giao con chung Trần Thu V, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2010 cho chị Đỗ Thị T nuôi dưỡng; giao con chung Trần Văn Q, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2007 cho anh Trần Văn M nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con chung

tính từ ngày 24 tháng 11 năm 2017 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T và anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tiền số 7288 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã P
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trương Minh Huế**















